

Xây dựng khung khảo sát nhằm nhận diện giá trị không gian của khu vực nghiên cứu giá trị di sản tại TP.HCM

Development of a survey framework for the recognition of historic spatial values in Ho Chi Minh City

> **TS.KTS VŨ THỊ HỒNG HẠNH**
Trường Đại học Kiến trúc TP.HCM

TÓM TẮT

Đô thị Sài Gòn - TP.HCM đang phát triển nhanh về nhiều mặt; bộ mặt kiến trúc đô thị có những biến đổi không ngừng với hàng loạt các dự án hạ tầng giao thông quan trọng, các khu đô thị vệ tinh, khu dân cư mới xen cài vào khu vực hiện hữu, tốc độ đô thị hóa ra vùng ven,... Cùng với đó là sự tồn tại mờ nhạt của các công trình di sản, nhân chứng lịch sử, kiến trúc, văn hóa và nghệ thuật chưa được nhìn nhận đúng mức vai trò và tiềm năng phát triển, dễ bị thay thế bằng các dự án mới với tham vọng tăng trưởng kinh tế hơn là làm giàu văn hóa hay tôn trọng lịch sử.

Trong nỗ lực tìm kiếm giải pháp nhận diện và bảo vệ kiến trúc có giá trị trên địa bàn thành phố hơn 300 tuổi này, bài viết phân tích, tổng hợp các nên tảng lý luận phù hợp để xây dựng khung phân tích đặc điểm đặc trưng và đánh giá giá trị nhiều mặt của không gian kiến trúc cảnh quan. Trên cơ sở đó, (1) xác định được các mảng, tuyến, cụm trong 03 khu vực lịch sử đặc trưng Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định và (2) Bảng khảo sát. Bảng khảo sát tập trung vào 02 nhóm thông tin (i) dữ liệu hiện trạng cần thiết phải thu thập (ii) đánh giá giá trị các yếu tố này. Dữ liệu hiện trạng được ghi nhận tại thời điểm khảo sát, khi đánh giá lại cần thêm cơ sở dữ liệu lịch sử để đánh giá cả quá trình biến đổi, tính nguyên gốc và tiềm năng phát triển trong tương lai.

Từ khóa: Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn, TP.HCM, di sản, lịch sử, kiến trúc, cảnh quan, khung phân tích, mảng, tuyến, cụm

ABSTRACT

Saigon - HCMC is rapidly developed, the images of urban architecture have been transformed dramatically with large scale infrastructure projects, satellite cities, new residential areas inserted to the existing urban fabric of a 300 year old city. As a result, the already vague existences of architecture heritage, evidences of the city's history, architectural values, culture and art, have been somehow neglected. Both historic values and on-going potentials but chaotic current presentations of those are perceived. They are, as a consequence, easily replaced by a new development projects whose investors pay more concern on economic interest than enriching local culture or respecting history.

Along with other efforts to recognize and protect heritage of Saigon-HCMC, this paper reviews literature and practices in order to develop a framework to survey heritage and analyze their various values. It provides (1) bases to identify locations of 'areas/districts', paths/linears, and nodes that worth surveying in the typical 3 historic places Saigon - Cholon - Giadinh, (2) the survey form - the inventory. The Inventory focus on two component including (i) the current situations and (ii) the the evaluation of values those embrace. While the first component is mapped/recorded at a time, the evaluation needs more data that explain its dynamics, the origins, orinality and potentials

Key words: Saigon, Cholon, Giadinh, Hochiminh City (HCMC), heritage, history, architecture, landscape, analytical framework, district, path, node

GIỚI THIỆU

Bài viết xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn trong nhận diện giá trị không gian của khu vực nghiên cứu *giá trị di sản tại TP.HCM*. Kết quả của bài báo sẽ được cụ thể hóa bằng phiếu kiểm kê di sản khu vực, phục vụ việc kiểm kê, đánh giá các khu vực kiến trúc cảnh quan đô thị cần bảo tồn trên địa bàn TP.HCM.

Ngoài vai trò là chứng tích lịch sử, các khu vực đô thị lịch sử (từ rộng lớn đến nhỏ bé, bao gồm các đô thị, thị xã, thành phố và các trung tâm hoặc khu phố lịch sử cùng với môi trường tự nhiên và nhân tạo của chúng) còn là hiện thân giá trị của những văn hoá đô thị truyền thống đặc trưng (trích từ hiến chương Washington).

Ngày nay, nhiều khu vực như thế đang bị đe dọa, bị xuống cấp, bị hư hỏng thậm chí còn bị huỷ hoại do tác động của sự phát triển đô thị thiếu kiểm soát và thiếu quan tâm bảo vệ các giá trị di sản, làm mai một cả một phần các giá trị văn hóa xã hội và kinh tế của cộng đồng và khu vực đó.

Trong nhận diện giá trị không gian đô thị, đã có nhiều nghiên cứu, hướng dẫn được các tổ chức quốc tế đúc kết và sử dụng rộng khắp trên thế giới, nhằm bảo vệ các giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội, kinh tế và môi trường,... tại các khu vực đô thị có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Bên cạnh, Hiến chương Venice về Bảo vệ và trùng tu di tích và di chỉ, Hiến chương Washington bổ sung các nguyên tắc, mục tiêu, và những phương pháp cần thiết để bảo vệ các thành phố và các khu vực đô thị lịch sử, đồng thời không ngăn cản sự biến đổi phát triển tất yếu trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

Bên cạnh đó, một số bài học kinh nghiệm trong ứng xử với các không gian đô thị lịch sử trên thế giới và tại Việt Nam cũng là nguồn tham khảo có giá trị, giúp xây dựng phương pháp tiếp cận và nhận diện các giá trị tiêu biểu của khu vực.

Nội dung bài viết gồm 02 phần:

- Cơ sở khoa học cho việc xây dựng khung nhận dạng giá trị không gian nói chung và không gian của khu vực nghiên cứu giá trị di sản tại TP.HCM nói riêng;

- Kết quả chuyên đề: các nhóm giá trị và khung nhận dạng

1. CƠ SỞ XÂY DỰNG KHUNG NHẬN DẠNG GIÁ TRỊ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

Phần cơ sở khoa học giới thiệu và phân tích một số lý thuyết, luận điểm liên quan đến hướng tiếp cận, mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp nhận diện giá trị không gian đô thị. Đây sẽ là những tiền đề cho việc xác định sơ bộ nội dung điều tra cũng như các khu vực dự kiến khảo sát trong bài báo.

1.1 Hiến chương về bảo vệ thành phố và khu vực đô thị lịch sử (hiến chương Washington 1987)

Tại cuộc họp tháng 10/1987 của Đại Hội đồng ICOMOS ở Washington DC, "Hiến chương Washington" đã được thông qua. Một số điểm tóm tắt về nguyên tắc và mục tiêu như sau:

1. Để đạt được hiệu quả cao nhất, việc bảo vệ các thành phố và các khu đô thị lịch sử khác phải là bộ phận hữu cơ của một hệ thống cố kết các chính sách phát triển kinh tế và xã hội và phải được quan tâm trong các kế hoạch đô thị hoá ở tất cả các cấp.

2. Các giá trị cần phải được bảo vệ bao gồm tính lịch sử của thành phố hoặc khu đô thị và tất cả các yếu tố vật chất và tinh thần biểu thị tính chất đó, đặc biệt là:

a. Mẫu hình đô thị (kiểu cấu trúc không gian đô thị) được xác định bởi mạng đường phố và cách phân chia các ô đất, lô đất, mảnh đất;

b. Mối quan hệ giữa các không gian: không gian xây dựng, không gian xanh và không gian thoáng mở;

c. Hình và dáng (bên trong và bên ngoài) các toà nhà, như đã được xác định qua tỷ lệ, kích thước, phong cách, kiểu cấu trúc, vật liệu, màu sắc và trang trí;

d. Mối quan hệ giữa thành phố và khu đô thị và khung cảnh xung quanh, tự nhiên và nhân tạo;

e. Các chức năng khác nhau mà thành phố hoặc khu đô thị đã giữ trong tiến trình lịch sử. Mọi đe dọa các giá trị này sẽ làm tổn thương tính xác thực (nguyên gốc) của thành phố hoặc khu đô thị lịch sử.

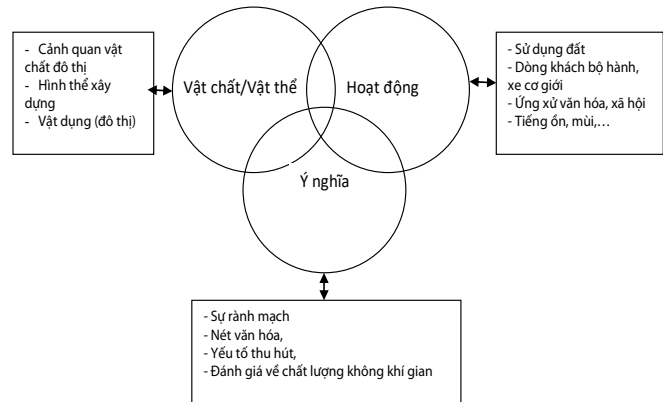
3. Sự tham gia và liên đới của cộng đồng trong khu vực

4. Việc bảo vệ trong một thành phố hoặc khu đô thị lịch sử đòi hỏi phải thận trọng, có phương pháp và chặt chẽ, nhưng cũng linh hoạt áp dụng cho từng trường hợp cụ thể.

Như vậy, rõ ràng việc nhận dạng các giá trị không gian của một khu vực đô thị lịch sử là rất quan trọng, là tiền đề cơ sở cho những quyết định nhằm thay đổi và phát triển khu vực này cũng như vùng phụ cận. Việc nhận diện các giá trị phải được thực hiện toàn diện, kỹ lưỡng cho các đối tượng vật thể và phi vật thể trong khu vực; ngoài các giá trị đơn lẻ, yếu tố nhóm/cụm và quan hệ tương hỗ giữa các yếu tố này cũng cần được quan tâm xem xét.

1.2 Bản sắc nơi chốn - place identity

Theo Relph (1976), Bentley (2012), và một số học giả khác, mỗi nơi có một đặc trưng riêng, thể hiện thông qua các thành phần vật thể, hoạt động và ý nghĩa do con người cảm nhận. Một không gian cư trú nào cũng tồn tại 03 nội dung giá trị: Vật thể, hoạt động và ý nghĩa.



Hình 1: Các yếu tố không gian (Nguồn Relph, 1976 và Bentley, 2012, Punter, J. (1991) "Participation in the design of urban space" in *Landscape Design*.200: trang. 24-27)

Yếu tố vật thể (physical attributes/form) bao gồm những yếu tố vật thể tự nhiên (địa hình, mặt đất, sông ngòi, kênh rạch, cây cối) và yếu tố nhân tạo (hình thể không gian: kiến trúc, đường sá, cầu cống, vật dụng đô thị).

Yếu tố hoạt động bao gồm những hoạt động (chủ yếu) của con người và các sinh vật khác, diễn ra theo các tần suất và thời gian khác nhau. Các hoạt động này, theo Camona (2010, trang 206) thì con người phải cảm thấy thoải mái về mặt tâm lý để quyết định tham gia/hoạt động tại một số không gian nhất định. Các hoạt động này được phân thành 02 nhóm: hoạt động thụ động (passive activities) và hoạt động tương tác/chủ động (active activities). Nhóm hoạt động đầu tiên thường thực hiện bởi cá nhân như ngồi nhìn ngắm, đọc sách; trong khi hoạt động tương tác cần nhiều không gian hơn và thường có sự tập trung người nhiều hơn.

Thành phần các hoạt động		Quy tắc hoạt động
Mức độ hoạt động	Loại hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng người tham gia các hoạt động Cộng đồng dân cư: mật độ và số dân cư trú Những yếu tố thu hút người dân; Sự đa dạng của không gian
Hoạt động mang tính thụ động	Ngồi, Đứng	
	Ngồi với trẻ em, xe nôi, dụng cụ hỗ trợ người tàn tật	
	Đứng bên cạnh trẻ em, dụng cụ hỗ trợ	
	Nằm trên ghế, bãi cỏ	
Hoạt động mang tính chủ động/ tích cực	Đạp xe, tập thể dục	
	Chụp ảnh	
	Chơi, chạy nhảy	
	Đẩy xe, đi bộ	
Thành phần vật chất		Nguyên tắc vật lý/vật chất
Yếu tố thiết kế		Bố trí tổng mặt bằng
Đường dạo, cạnh biên, Trang thiết bị đô thị, yếu tố tự nhiên		Công trình/vị trí điểm nhấn
		Mảng xanh, mặt nước

Các thành phần không gian	Nguyên tắc		
Hoạt động	Loại hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động theo nhu cầu Hoạt động có chọn lựa Hoạt động xã hội 	Tham gia chủ động
			Tham gia thụ động
Yếu tố vật chất/vật thể trong không gian	Mật độ, Sử dụng hỗn hợp, Mảng xanh, mặt nước		
	Tỉ lệ con người Sự xuyên suốt, kết nối, sự rõ ràng Công trình điểm nhấn Tính chất mở, phức hợp Phong cách kiến trúc		
			Mật độ cư trú Dòng người bộ hành và di chuyển Sự sống động và đa dạng Yếu tố thu hút con người Sự kiện văn hóa, xã hội Hoạt động thương mại

1.3 Hình thái học đô thị và phương pháp phân tích không gian đô thị

Hiện nay, các phân tích hình thái không gian đô thị đã và đang được chứng minh mang lại nhiều hiệu quả trong Quy hoạch, phát triển không gian đô thị, đặc biệt các không gian xen cài trong các không gian đô thị có giá trị lịch sử. TP.HCM với lịch sử 300 năm hình thành và phát triển cũng chứa đựng những giá trị qua các lớp thời gian, việc bóc tách được các lớp giá trị này cũng hết sức cần thiết. Do vậy, phương pháp phân tích hình thái được giới thiệu và áp dụng trong nghiên cứu này.

Có thể nhìn nhận (qua hình 3), PP hình thái giúp đánh giá không chỉ vùng chiếm chỗ, hình thể đô thị, yếu tố cây xanh mặt nước, mạng lưới đường, ô phố và công trình,... Khi so sánh phân tích chúng cạnh nhau và theo chuỗi, có thể xác định sự biến đổi theo mức độ khác nhau của từng yếu tố này. Sau đó, có thể xác định (tương đối) nguyên nhân của các biến đổi (khách quan, chủ quan, tự nhiên, hay con người với các biến động về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,...) Chính việc xác định đúng nguyên nhân tác động sẽ giúp tìm ra quy luật vận động hay biến đổi để từ đó dự báo xu hướng với các kịch bản tác động khác nhau.

Dù chưa có minh chứng rõ ràng cho hiệu quả 'dự báo' theo cách này, phương pháp này khá hiệu quả trong việc nhận diện được các đặc điểm, đặc trưng, để từ đó xây dựng dữ liệu cho các đề xuất mang tính thực tiễn, có chiều sâu hơn.

Phương pháp phân tích Hình thái (morphological analysis) nghiên cứu những quá trình hình thành và biến đổi của 'đối tượng' nghiên cứu. Phương pháp này cho phép tổng hợp và phân tích một nhóm các đối tượng kiến trúc cần nghiên cứu để hiểu rõ sự hình thành cũng như các đặc điểm của chúng trong những giai đoạn biến đổi nhất định. Việc nhận dạng các đặc điểm

trong từng thời kì cùng với những phân tích các yếu tố tác động lên quá trình biến đổi đó cũng giúp xác định tương đối các xu thế phát triển trong tương lai. Do vậy, các đề xuất ứng xử với môi trường đô thị/không gian sống đó được hợp lý hơn.

Hình thái không gian của bất cứ môi trường đô thị nào cũng bao gồm các 'lớp' khác nhau, với vòng đời và quy trình biến đổi khác nhau dưới tác động của các yếu tố tự nhiên và con người; tính từ thiên niên kỷ tới vài năm (xem hình 4).

Trong bối cảnh của nghiên cứu này, các lớp hình thái từ hệ thống mảng xanh, con nước, mạng lưới đường, hệ thống không gian công cộng, công trình kiến trúc, các yếu tố hình thể nhân tạo khác là đối tượng quan tâm phân tích nhận diện.

Roger Trancik sử dụng 03 cơ sở lý thuyết chính định hướng phân tích không gian khu vực đô thị một cách hiệu quả, đó là: Lý luận hình nền (Figure and Ground theory), Lý thuyết liên hệ (Linkage theory), và lý thuyết về nơi chốn (Place Theory)

- Lý luận hình-nền quan tâm mối qua hệ giữa không gian chiếm chỗ của công trình trên mặt đất (mass (đặc), hình (figure)) và không gian trống còn lại (voids, ground). Mỗi không gian đô thị hiện hữu đều mang một 'kiểu' quan hệ hình - nền khác nhau. Hướng tiếp cận hình-nền giúp việc phân tích đặc điểm phân bố công trình trên tổng thể không gian đô thị, từ đó có những thay đổi để xuất thêm bớt các yếu tố 'hình' cho phù hợp, có tính tầng bậc, hệ thống hơn;

- Lý thuyết về sự liên hệ (Linkage theory) tập trung vào các 'đường' thẳng' nối/liên kết không gian với nhau như đường phố, lối đi bộ, đi dạo, không gian mở dạng tuyến, hay các yếu tố dạng tuyến khác;

- Lý thuyết nơi chốn (Place theory) quan tâm một cách hệ thống nhu cầu sử dụng không gian của con người, giúp xác định các khu vực chức năng hay hoạt động đô thị phù hợp.

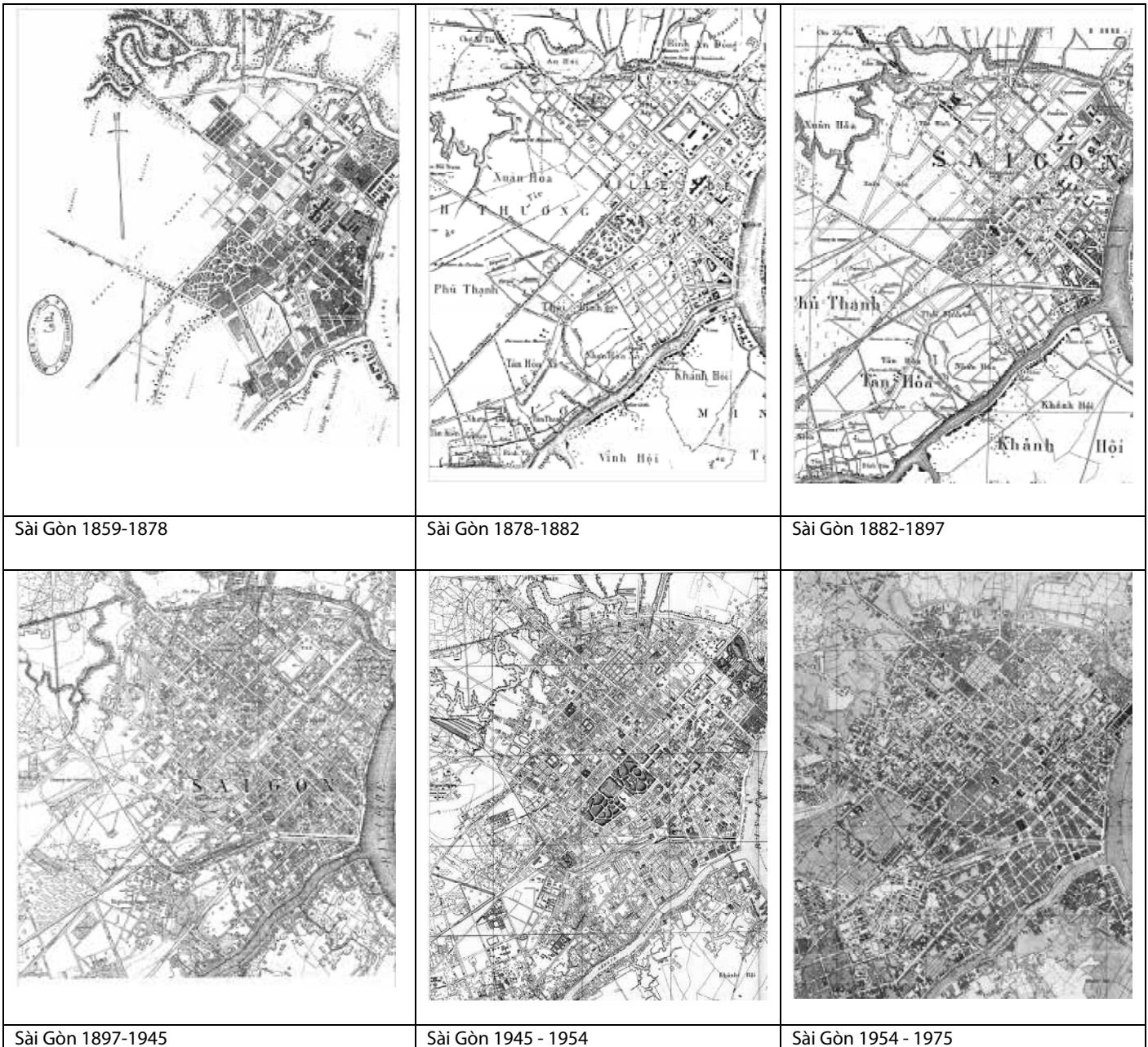
Theo Conzen, người xây dựng một phương pháp phân tích không gian đô thị của Anh, nội dung được quan tâm phân tích trong Quy hoạch tổng thể đô thị là 03 yếu tố chính:

- Đường phố và sự sắp xếp mạng lưới đường phố
- Ô thửa (Plots) và cách sắp xếp của chúng trong 1 ô phố (block)
- Công trình và đặc điểm hình thể ô phố

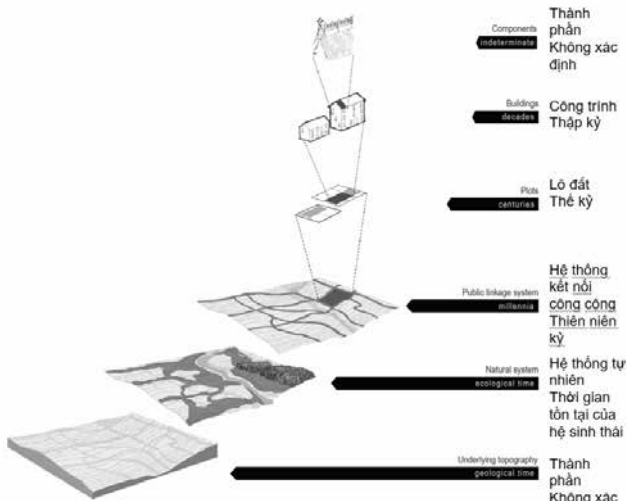
Việc hiểu các đặc điểm các lớp hình thái này phải cần kê trong từng giai đoạn lịch sử. Phương pháp tiếp cận phân tích hình thái này của ông sau đó đã được nhiều hậu duệ trong và ngoài nước Anh sử

dụng để nhận dạng các giá trị và đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn và xây dựng các đô thị lịch sử, cũng như đương đại.

Một vài các trường phái khác sau này quan tâm đến mối quan hệ giữa môi trường vật chất đô thị và phát triển kinh tế, với môi trường tự nhiên sinh thái (Robert E Park và Ernest Burgess). Đô thị vận hành như cơ thể sống (Christopher Alexander), v.v. Tất cả các luận điểm lý thuyết này đều góp phần làm sâu sắc, đa dạng thêm các hướng tiếp cận, phân tích, nhận diện và ứng xử với môi trường đô thị cho một tương lai bền vững và phù hợp hơn, để được con người, sinh thực vật và thiên nhiên chấp nhận.



Hình 2: Bản đồ thể hiện nhiều thông tin của đô thị Sài Gòn từ thời kỳ 1859 - 1975 (Nguồn: Sở Quy hoạch Kiến trúc TP.HCM, 2015)



Hình 3: Các lớp hình thái trong không gian đô thị (Nguồn: Bentley, 2012)

1.4 Hình ảnh đô thị và 05 yếu tố của Kevin Lynch

Nghiên cứu của Lynch dựa vào khảo sát vấn đề người dân về ‘hình ảnh’ khu vực họ đang sống. Nhóm người này ‘vẽ’ sơ đồ (mental map) để nhận dạng các đặc điểm họ ghi nhớ trong khu vực. Thật ngẫu nhiên khi hầu hết người được khảo sát đều đề cập tới các yếu tố mang tính ‘nhận dạng’ không gian trong đô thị. Tập hợp của các yếu tố này được Kenvyn Lynch nhóm thành 05 yếu tố:

- Đường (Paths): tuyến, để đi (bằng nhiều phương tiện): đường phố, đường xe lửa, đường sông/ thủy
- Cạnh biên (Edge): giới hạn biên của khu vực với khu vực khác. Cạnh biên cũng có thể là ranh giới hành chính, quan trọng hơn, chuyển tiếp giữa 02 khu vực có các đặc điểm hình thể, chức năng, tính chất khác nhau: không gian bờ sông, vành đai xanh, hành lang xanh, biên giới,...
- Điểm nhấn (Landmark): điểm, công trình, yếu tố gợi nhớ, nhận dạng, không nhất thiết phải quy mô lớn, hoành tráng nhưng quen thuộc, dễ nhận biết
- Nút giao (Node): cụm, nơi tập trung người cho các hoạt động khác nhau, thường ở các quảng trường, trạm xe, nhà ga,...
- Khu vực (District): mảng, vùng hoặc khu vực với ‘cạnh biên’ được xác định bao quanh.

Qua nhiều lần hiệu chỉnh, tái bản, và với nhiều nghiên cứu sau đó, Lynch cho thấy hiệu quả của việc sử dụng 05 yếu tố hình ảnh này để phân tích, đánh giá và xây dựng không gian đô thị với các tiêu chí chất lượng được đồng ý của người dân, cộng đồng thậm chí khách vãng lai nhìn nhận. Trong bối cảnh hiện nay, với sự xuất hiện của tàu điện ngầm, không gian ngầm, công nghệ thông tin, định vị vệ tinh, v.v có lẽ cả 05 yếu tố trên ít nhiều bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, trên phạm vi không gian đô thị TP.HCM tới 2030, có lẽ lý luận này vẫn còn nguyên giá trị.

2. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT KHẢO SÁT

2.1 Các tiêu chí xác định tiềm năng bảo tồn các khu vực cảnh quan kiến trúc đô thị:

Để có những căn cứ đưa ra các phiếu kiểm kê, đánh giá chính xác, TP.HCM cần xây dựng hệ thống tiêu chí riêng, từ đó tham chiếu qua các khu vực cảnh quan kiến trúc đô thị và xác định những đối tượng hàm chứa những tiềm năng cần phải bảo tồn. Có 05 nhóm tiêu chí khảo sát là:

a. Tiêu chí Kiến trúc, tiêu chí kiến trúc được xác định qua việc nhận dạng phong cách thiết kế, tính thẩm mỹ cũng như quan hệ với các công trình lân cận trong khu phố hoặc rộng hơn qua việc

xử lý chiều cao, tỷ lệ, vật liệu, màu sắc và các chi tiết kiến trúc cũng như những ứng xử với văn hóa và khí hậu bản địa.

Từ đó, những can thiệp về mặt kiến trúc (cải tạo công năng, thiết kế mở rộng, thay đổi vật liệu, màu sắc, chi tiết,...) phải đảm bảo tuân thủ về việc bảo tồn những đường nét đặc trưng và cấu trúc cơ bản đã góp phần tạo nên những giá trị vật chất và tinh thần mà công trình mang lại.

b. Tiêu chí Hình thái đô thị được xác định qua hệ thống mạng lưới đường và các ô phố. Tổ chức kiến trúc của các công trình phụ thuộc chặt chẽ vào các tuyến phố mà chúng tọa lạc cũng như không gian nơi những tuyến phố giao nhau, tạo nên những nét đặc trưng của hình thái đô thị. Cụ thể:

- b1. Đặc trưng hình học của mạng lưới đường
- b2. Đặc trưng quy mô về lộ giới (lòng đường, vỉa hè), ô phố
- b3. Đặc trưng mật độ mạng lưới (tỷ lệ diện tích đường/ diện tích khu vực)
- b4. Đặc trưng lịch sử
- b5. Đặc trưng bố cục công trình: (mối quan hệ giữa công trình với khu đất, với đường phố)

c. Tiêu chí Chức năng đô thị được thành phố hoặc khu đô thị tạo lập trong quá trình phát triển và có thể thay đổi để thích ứng với nhu cầu cuộc sống qua những biến thiên về thời gian. Đặc trưng của tiêu chí chức năng đô thị được xác định bởi các yếu tố như:

- Khu vực Sài Gòn: khu vực trung tâm hành chính, giáo dục, thương mại dịch vụ, văn hoá, tôn giáo, ở..., tổ chức chức năng đan cài phức hợp
- Khu vực Chợ Lớn: Văn hoá, sinh hoạt đô thị đặc trưng ChinaTown với (1) Tổ chức chức năng đan cài phức hợp, (2) Các tuyến phố chuyên doanh, và (3) Các hội quán Hoa kiều
- Khu vực Bà Chiểu: sinh hoạt đô thị người Việt; mạng lưới đường nhỏ, men theo địa hình và các điều kiện tự nhiên, nét sinh hoạt hẻm phố đặc trưng ...

d. Tiêu chí Không gian công cộng được xác định bởi hệ thống quảng trường, công viên, cây xanh đô thị, các không gian mở (bờ sông, mặt nước, không gian đường phố, v.v)

e. Tiêu chí Cảnh quan tự nhiên được xác định qua những đóng góp của hệ thống các yếu tố cảnh quan tự nhiên của thành phố như sông, kênh, rạch,... đối với môi trường sống và giao thông tiếp cận tại các khu vực được đề xuất phân loại và đánh giá. Cụ thể:

- Khu vực Sài Gòn: sông Sài Gòn, rạch Thị Nghè, rạch Bến Nghé
- Khu vực Chợ Lớn: kênh Tàu Hủ, rạch Lò Gốm
- Khu vực Bà Chiểu: rạch Văn Thánh, rạch Cầu Bông

2.2 Phân loại đối tượng bằng những tiêu chí, đề xuất đối với khu vực kiến trúc cảnh quan đô thị:

Xác định, khoanh vùng 03 khu vực đặc trưng, tiêu biểu, đại diện cho lịch sử hình thành và phát triển đô thị Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn. Mỗi khu vực được phân tích, nhận dạng theo 5 nhóm đối tượng: *Tuyến, Cạnh biên, Mảng, Cụm, Điểm nhấn*

- **Khu vực Sài Gòn** (địa bàn quận 1, quận 3): đề xuất khảo sát theo các *mảng, cụm, tuyến* tiêu biểu như:

- o “Mảng” tiêu biểu: mảng biệt thự Pháp; mảng di sản xanh từ công viên Tao Đàn đến Công viên 30/4; mảng phố thị Chợ Cũ; mảng phố thị Chợ Bến Thành; mảng “Thành cổ”; mảng Thảo Cầm viên; mảng biệt thự Chú Hoả; mảng Ba Sơn; mảng Cảng Sài Gòn.
- o “Tuyến” tiêu biểu: đường Đồng Khởi, Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Hàm Nghi, Lê Duẩn; một số đoạn trên các đường Tôn Đức Thắng, Nguyễn Bình Khiêm, đại lộ Đông-Tây.
- o “Cụm” tiêu biểu: cụm quảng trường Hoà Bình, quảng trường UBND, quảng trường Lam Sơn.



Hình 6: Một số hình ảnh minh họa khảo sát hoạt động trên đường Tôn Thất Thiệp (Nguồn: nhóm khảo sát, 2015)

c. Bình luận, đánh giá

Đánh giá phần này chủ yếu được tiến hành sau khảo sát bởi nhóm chuyên gia. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát, mỗi thành viên tham gia/nhóm thành viên có thể có những đánh giá, cảm nhận riêng của mình/nhóm mình. Đây chính là những nhận định sát thực tế, và qua nhiều lăng kính. Việc có nhiều nhận định, đánh giá cho cùng một phiếu khảo sát sẽ làm đa dạng và toàn diện hơn cho các nhận định cuối cùng sau này.

LỜI KẾT

Đô thị Sài Gòn - TP.HCM trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển, vùng đất dung dưỡng và hội tụ nhiều nền văn hóa, cùng tồn tại và dung hòa nhau. Biểu hiện của văn hóa qua kiến trúc, phương cách ứng xử với tự nhiên khí hậu và nét sinh hoạt đời sống, sản xuất không ngừng biến đổi vẫn giữ được nhiều nét đặc trưng khó tìm kiếm được ở nơi khác. Trong giai đoạn hiện nay, tốc độ đô thị hóa, nhu cầu phát triển được hỗ trợ bởi các công cụ công nghệ tiên tiến phá vỡ nhiều rào cản của tự nhiên, v.v; giá trị di sản, cái cổ xưa dần bị mai một, che lấp, ẩn sâu hơn, nhường chỗ cho các tòa nhà cao tầng, không gian phức hợp hiện đại, hào nhoáng, hoạt động đô thị hiện đại nhộn nhịp. Đô thị được xem như một cơ thể sống, vì vậy, cần có những trải nghiệm, kỷ ức, lịch sử, có gốc rễ cội nguồn để phát triển bền vững và ổn định hơn. Hành trình lưu giữ tất cả các giá trị này không phải lúc nào, ở đâu cũng được quan tâm và thực thi một cách hiệu quả.

Nỗ lực nhìn nhận di sản để đưa vào danh mục/danh sách bảo vệ đang được quan tâm từ các nhà khoa học, quản lý đô thị và quản lý văn hóa nghệ thuật, các cấp lãnh đạo... Nội dung bài viết phần nào phản ánh nỗ lực thực hiện công trình rà soát, liệt kê và đánh giá di sản kiến trúc công trình và không gian kiến trúc cảnh quan tại TP.HCM. Để có cái nhìn toàn diện và đánh giá đúng vai trò nhiều mặt của kiến trúc, không thể thiếu các phân tích đánh giá

trong mối quan hệ với không gian cảnh quan vật chất và cảnh quan hoạt động xung quanh. Nghiên cứu này cung cấp một hướng tiếp cận phục vụ công tác công khai danh mục với đầy đủ thông tin một cách khoa học cho công chúng tiếp cận như mong muốn của đề án cũng là một hướng đi đúng. Hi vọng kết quả khảo sát, đánh giá sẽ được nhìn nhận và trở thành pháp lý trong quản lý, cấp phép phát triển có liên quan, giúp đô thị Sài Gòn - TP.HCM phát triển bền vững, giàu kỷ ức và bản sắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hanh Vu và Hai Trung, 2018, *Kiến trúc hiện đại tại thành phố Sài Gòn - HCM (Modern architecture of Saigon-HCMC)*, Matec Web of conference 193, 04004
2. Hoàng Ngọc Lan, 2017, *Hình thái không gian các đô thị phía Đông Nam thuộc lõi Trung tâm Vùng TP. HCM*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kiến trúc TP HCM
3. Phạm Phú Cường, 2015, *Duy trì và chuyển tải các giá trị kiến trúc đô thị đặc trưng trong bối cảnh phát triển mở rộng khu vực trung tâm hiện hữu TP. HCM*, Luận án Tiến sĩ, Trường ĐH Kiến trúc TP HCM
4. Vũ Thị Hồng Hạnh, 2014-2020, *Hình thái không gian đô thị và công trình*, Tài liệu giảng dạy học phần đào tạo sau đại học, Trường ĐH Kiến trúc TP HCM
5. Sở Quy hoạch kiến trúc TP. HCM, 2015, *Tài liệu phục vụ nghiên cứu kiểm kê, đánh giá các khu vực Kiến trúc cảnh quan đô thị cần bảo tồn*, HCMC
6. Ian Bentley, 2012, *Responsive Urban design*, Tài liệu giảng dạy, khóa học ngắn hạn, Trường ĐH Kiến trúc TP HCM
7. Sơn Nam, 2014, *Sài Gòn Xưa, Ấn Tượng 300 Năm, Tiếp cận với Đồng bằng sông Cửu Long*, Nhà xuất bản trẻ, TP. HCM
8. Vũ Thị Hồng Hạnh, 2010, *Kênh rạch và bản sắc đô thị Sài Gòn - Hồ Chí Minh (Canals and identities of Saigon-HCMC)*, Luận án Tiến sĩ, ĐH Oxford Brookes, Anh Quốc
9. Cohen, N, 2001, *Urban Planning, conservation and preservation*, McGraw-Hill Companies
10. Luxen, J.L, 1997, *Introductory statement, China cultural heritage management and urban development - Challenge and opportunity*, Kyoto – Tokyo Japan: International Council of Monuments and Sites (ICOMOS) Unesco World Bank
11. Vương Hồng Sển, 1968, *Sài Gòn năm xưa*, Sống Mới.